TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 115/2022/HC-PT
Ngày 10/5/2022
Về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến, ông Lê Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở, để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 362/2021/TLPT-HC ngày 08/12/2021 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2021/HC-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1469/2022/QĐ-PT ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Huỳnh Phong V, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 3, khối H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là Luật sư Ngô Thành T - Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố H;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

Cùng địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Minh L (Phó Chủ tịch UBND thành phố H), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Văn Thành N (Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H), có mặt.

+ Ông Ngô Xuân Đ (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Hồ sơ kê khai đăng ký đất theo **Quyết định 201/CP** ngày 01/7/1980 (Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980) tại tờ bản đồ số 6, phường C, thị xã H, Quảng Nam, thể hiện cụ Huỳnh Vạn A (cha ông Huỳnh Phong V) kê khai sử dụng thửa đất số

176 diện tích 3.071m^2, loại đất **T**; một phần diện tích đất liền kề trồng khoảng 40 cây dừa do cụ Nguyễn H (hàng xóm của cụ A) đứng tên đăng ký thửa đất số 177 diện tích 164m^2, nhưng trên thực tế, cụ A quản lý, sử dụng; và phần đất nằm giữa 2 thửa 176 và 177 là đường đi, không ghi diện tích (bút lục 85).

- Hồ sơ kê khai đăng ký đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thể hiện có 02 thửa đất và diện tích đường đi. Cụ A kê khai, đăng ký thửa đất số 69, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.795m^2 loại đất **T** và đã được cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ngày 20/11/1999 gồm 200m^2 đất ở, còn lại là đất vườn; năm 2006 được điều chỉnh công nhận toàn bộ 2.795m^2 là đất ở. Diện tích đất trồng dừa do UBND xã Cẩm A đăng ký là thửa số 68, tờ bản đồ số 16, diện tích 366m^2. Diện tích đất còn lại giữa 2 thửa là đường đi, không ghi diện tích. Tại Công văn số 81/UBND ngày 28/5/2021, UBND phường C cho biết theo Hồ sơ hệ tọa độ VN.2000 năm 2005 thì toàn bộ thửa đất số 69 và 68 được đo gộp chung vào một thửa số 144, tờ bản đồ 37, diện tích 3.584,9m^2 quy chủ cho cụ Huỳnh Vạn A (bút lục 69).

- Vì năm 1999, UBND thị xã H mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ A đối với thửa đất 176, chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con cụ A đối với thửa đất 177 mà Bản đồ hệ tọa độ VN.2000 năm 2005 đã đo gộp vào thửa 144 quy chủ cho cụ A, nên ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND thị xã H thực hiện hành vi hành chính ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V đối với diện tích đất còn lại tại thửa T 144. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2013/HC-ST ngày 25/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V. Ông V kháng cáo, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2014/HCPT ngày 21/02/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc UBND thành phố H thực hiện hành vi hành chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V đối với diện tích 812m2 đất thổ cư, thuộc thửa 144, tờ bản đồ số 37, khối H, phường C, thành phố H. Ngày 18/10/2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ký Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2016/KN-HC đề nghị xét xử giám đốc thẩm hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm để xét xử sơ thẩm lại với nhận định: *(i)* Theo hồ sơ đăng ký theo Quyết định 201/CP thì cụ A dăng ký thửa đất 176, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.071m^2 loại đất ở; cụ Nguyễn H là hàng xóm của cụ A đăng ký thửa 177, tờ bản đồ số 6, diện tích 164m^2 loại đất ở, nhưng trên thực tế cụ A là người quản lý, sử dụng; phần diện tích còn lại là đường đi công cộng không ghi diện tích. Ngày 20/11/1999, cụ A mới được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 2.795m^2 đối với thửa 176 đăng ký theo Quyết định 201/CP mà theo bản đồ đo mới hệ tọa độ VN.2000 năm 2005 thì thửa đất của cụ A có số thửa T 144, tờ bản đồ 37, có diện tích 3.584,9m^2; do đó, ông V căn cứ bản đồ VN.2000 yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất phần diện tích còn lại là có cơ sở; *(ii)* Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông V là ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của ông V, Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND thành phố H cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho ông V diện tích tăng thêm 812m^2 mà không trừ diện tích đường đi cũng là không đúng và buộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

thổ cư là vượt thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 163 Luật tố tụng hành chính năm 2010 vì việc xác định loại đất thuộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được quy định tại Điều 6 Nghị định 181/2004/NĐ-CP về thi hành Luật đất đai. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2017/HC-GĐT ngày 14/4/2017 (bl 64-66), Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thống nhất với nhận định trong Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2016/KN-HC ngày 18/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, hủy bản án phúc thẩm và sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

- Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 09/2017/HC-PT ngày 25/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam buộc Ủy ban nhân dân thành phố H thực hiện hành vi hành chính ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 144/1 cho ông V theo quy định của pháp luật (sau khi trừ đi phần diện tích con đường đi phù hợp với thực tế nhưng không quá 145,lm^2).

- Ngày 25/12/2018, UBND thành phố H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* cho ông Huỳnh Phong V thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37, diện tích 623,3m^2 loại đất trồng cây lâu năm với thời hạn sử dụng đến ngày 01/07/2064.

- Không đồng ý việc UBND thành phố H chỉ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 354 là loại đất trồng cây lâu năm, hạn sử dụng đến ngày 01/07/2064 ông V khiếu nại; Ủy ban nhân dân thành phố H đã có Phiếu chuyển số 230/PC-UBND ngày 12/3/2019 yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H triển khai thực hiện và báo cáo trước ngày 23/3/2019, nhưng đến tháng 6/2019 Chủ tịch UBND thành phố H chưa ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Tháng 6/2019 ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết đối với khiếu nại của ông V.

- Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 132/2020/HC-PT ngày 17/7/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam với quyết định: *"Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phong V về việc: "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Buộc Chủ tịch UBND thành phố H phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Phong V (Đơn khiếu nại lập ngày 06/3/2019 về việc yêu cầu UBND thành phố H công nhận là đất ở và thời hạn sử dụng lâu dài đối với diện tích đất 623,3m^2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông V tại thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37) theo đúng quy định của pháp luật".*

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ khiếu nại của ông V (ông V yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37) thì ngày 01/02/2021, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 232/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông V.

- *Ngày 18/02/2021 ông Huỳnh Phong V có Đơn khởi kiện* yêu cầu Tòa án giải quyết: *(i)* Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 232/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; *(ii)* buộc Ủy ban nhân dân

thành phố H cấp lại Giấy chứng nhận công nhận ông V có quyền sử dụng thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37, diện tích 623,3m^2 là loại đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài.

- *Người bị kiện là UBND thành phố H,* đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V với các lý do: *(i) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số sêri CP 366101 mà UBND thành phố H cấp ngày 25/12/2018 cho ông V đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37, diện tích 623,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, sử dụng đến ngày 01/7/2064 là phù hợp với nội dung *Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế* ngày 02/11/2018 giữa ông V và các anh chị em; đúng loại đất mà ông V yêu cầu cấp tại *Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận; (ii)* Về nguồn gốc, quá trình kê khai đăng ký thửa đất 354, tờ bản đồ số 37, phường C: Theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng là thửa đất số 177, tờ bản đồ số 6, xã Cẩm A (cũ) diện tích 164m^2 loại đất T, do ông Nguyễn H kê khai, đăng ký; theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 68, tờ bản đồ số 16, xã Cẩm A (cũ), diện tích 366m^2, loại đất trồng cây lâu năm (LNK), do UBND xã Cẩm A quản lý; theo hồ sơ đo mới VN 2000 là một phần diện tích của thửa đất số 144, tờ bản đồ số 37, phường C, diện tích 3.584,9m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm do hộ ông Huỳnh Vạn A đăng ký. Qua các thời kỳ quản lý đất đai thì hộ ông Huỳnh Phong V không đăng ký kê khai đối với phần diện tích 623,3m^2 này, phần diện tích 623,3m^2 của thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37, phường C không liên quan đến diện tích 2.795m^2 đất của thửa số 69, tờ bản đồ số 16 (hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ); *(iii)* Hiện trạng trên đất không có nhà ở, đất nằm sát mép nước sông Thu Bồn và cách khu dân cư bởi con đường rộng 2m, trên đất có cây dừa gáo của gia đình ông V.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2021/HC-ST ngày 24/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 158 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015; Điều 98, Điều 99 và Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phong V về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Phong V, thường trú tại khối H, phường C, thành phố H (lần đầu);

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận loại đất ở và thời hạn sử dụng đất lâu dài đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37, diện tích 623,3m^2 cho ông Huỳnh Phong V theo đúng quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CP 366101 ngày 25/12/2018 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho ông Huỳnh Phong V).

[2] Về án phí: Ông Huỳnh Phong V được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Ngày 01/10/2021, ông Huỳnh Phong V có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện (ông V) và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông V.

- Người bị kiện (vắng mặt). Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của Người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án:

Hồ sơ kê khai đăng ký **Quyết định 201/CP** (Chỉ thị 299/TTg) thì cụ A (cha ông V) kê khai thửa 176 diện tích 3.071m^2, loại đất **T**; một phần diện tích đất liền kề trồng khoảng 40 cây dừa do cụ Nguyễn H (hàng xóm của cụ A) đứng tên đăng ký thửa đất số 177 diện tích 164m^2, nhưng trên thực tế, cụ A quản lý, sử dụng; và phần đất nằm giữa 2 thửa 176 và 177 là đường đi, không ghi diện tích. Tuy hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP (đất nông nghiệp) ghi UBND xã Cẩm A kê khai, quản lý thửa 68 (cũ là thửa 177), nhưng Hồ sơ hệ tọa độ VN.2000 năm 2005 đã quy chủ cả 2 thửa 176 và thửa 177 cho cụ A và đo gộp chung vào một thửa là thửa T 144.

Ngày 20/11/1999, UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ A diện tích đất 2.795m^2 (nguồn gốc là thửa 176, gồm 200m^2 đất ở, còn lại là đất vườn), nhưng năm 2006, UBND thị xã H đã điều chỉnh công nhận toàn bộ 2.795m^2 đất là đất ở mà không buộc cụ A không phải nộp tiền chuyển mục đích sử dụng; do đó, diện tích đất còn lại tại thửa T 144 (đăng ký là đất **T** theo Quyết định 201/CP) UBND thành phố H chỉ công nhận cho ông V là loại đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến 01/07/2064 là không đúng pháp luật, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông V.

Vì các lý do trên, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông V, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 232/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; hủy một phần *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* mà UBND thành phố H cấp cho ông Huỳnh Phong V ngày 25/12/2016 về phần xác định quyền sử dụng thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37, diện tích 623,3m^2 là loại đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến ngày 01/07/2064 để xác định lại là loại đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi thụ lý phúc thẩm vụ án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Công văn số 701/2022-CV ngày 16/3/2022 yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố H cung cấp tài liệu và trả lời một số nội dung liên quan, tại Công văn số 899/UBND ngày 14/4/2022, Ủy ban nhân dân thành phố H đã cung cấp tài liệu và

phúc đáp một số nội dung có liên quan như sau: *[1.1]* Năm 1999, UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Huỳnh Vạn A đối với thửa số 69, tờ bản đồ số 16 (nguyên là thửa 176 cụ A đăng ký theo Chỉ thị số 299/TTg), diện tích 2.795m^2 gồm đất ở và đất vườn. Năm 2006 UBND thị xã điều chỉnh công nhận toàn bộ diện tích 2.795m^2 là đất ở, gia đình cụ A không phải nộp tiền xin chuyển mục đích sử dụng đất; *[1.2]* Theo hồ sơ đăng ký Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thì thửa đất số 177, tờ bản đồ số 6, diện tích 164m^2 do cụ Nguyễn H kê khai, đăng ký là loại đất có ký hiệu **T**.

[2] Xét, hồ sơ kê khai đăng ký đất theo **Quyết định 201/CP** ngày 01/7/1980 (Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ) tại tờ bản đồ số 6, phường C, thị xã H, tỉnh Quảng Nam, thể hiện cụ Huỳnh Vạn A (cha ông Huỳnh Phong V) kê khai sử dụng thửa đất số 176 diện tích 3.071m^2, loại đất **T**; còn thửa đất số 177, diện tích 164m^2 do cụ Nguyễn H là hàng xóm của cụ A đứng tên kê khai là loại đất **T** (trên thực tế thửa 177 cũng do cụ A sử dụng, trên đất trồng hơn 40 cây dừa gáo hiện vẫn còn); phần đất giữa 2 thửa 176 và 177 là đường đi, không ghi diện tích (bút lục 85). Tuy Hồ sơ kê khai theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ (về giao đất nông nghiệp) thể hiện thửa số 68, tờ bản đồ 16 diện tích 366m^2 (trước ở vị trí thửa 177) do UBND xã Cẩm A đứng tên sử dụng, nhưng Hồ sơ hệ tọa độ VN.2000 năm 2005 cũng thể hiện toàn bộ thửa 69 và 68 (trước là thửa 176 và thửa 177) được đo gộp chung vào thửa số T 144, tờ bản đồ 37, diện tích 3.584,9m^2 quy chủ cho cụ Huỳnh Vạn A (UBND phường C cung cấp tại Công văn số 81/UBND ngày 28/5/2021 - bút lục 69) và thực tế vợ chồng cụ A sử dụng thửa đất 177 từ trước giải phóng để trồng dừa gáo, hiện dừa gáo vẫn còn trên đất, điều này được các bên thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Huỳnh Phong V cung cấp ***Giấy xin xác nhận*** đề ngày 22/02/2007 do ông Nguyễn Sang viết trình bày Ông là con trai cụ Nguyễn H, cụ Nguyễn H chết thọ 97 tuổi, không có việc cha Ông (cụ Nguyễn H) đi kê khai đăng ký theo Quyết định 201/Cp thửa đất 177, điều này là không có; ***Giấy xin xác nhận*** của ông Nguyễn Sang được Khối trưởng khối phố và UBND phường C xác nhận ngày 26/02/2007, được Văn phòng Công chứng H chứng thực đúng với bản chính ngày 08/01/2020.

[3] Theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1, điểm b thì trường hợp gia đình cụ Huỳnh Vạn A sử dụng thửa đất số 176 và số 177 từ trước giải phóng, đã đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg thì được cấp "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất"*. Thực tế, năm 1999, UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Huỳnh Vạn A đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 16 (cũ là thửa 176, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg), diện tích 2.795m^2 gồm 200m^2 đất ở và đất vườn, nhưng năm 2006 UBND thị xã H đã điều chỉnh công nhận toàn bộ 2.795m^2 là đất ở cho cụ A, cụ A không phải nộp tiền xin chuyển mục đích sử dụng đất.

[4] Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2016/KN-HC ngày 18/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định giám đốc thẩm số 02/2017/HC-GĐT ngày 14/4/2017 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng đã nhận định Hồ sơ đăng ký theo Quyết định 201/CP thì cụ A đăng ký thửa đất 176, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.071m^2 loại đất **T**; cụ Nguyễn H

là hàng xóm của cụ A đăng ký thửa 177, tờ bản đồ số 6, diện tích 164m^2 loại đất **T,** nhưng trên thực tế cụ A là người quản lý, sử dụng; phần diện tích còn lại là đường đi công cộng không ghi diện tích. Ngày 20/11/1999, cụ A mới được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 2.795m^2 đối với thửa 176 đăng ký theo Quyết định 201/CP mà theo bản đồ đo mới hệ tọa độ VN.2000 năm 2005 thì thửa đất của cụ A có số thửa T 144, tờ bản đồ 37, có diện tích 3.584,9m^2; do đó, cần buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V diện tích đất còn lại theo Bản đồ VN.2000 (trừ diện tích đường đi) theo đúng quy định của Luật đất đai.

[5] Từ các tài liệu, chứng cứ dẫn chứng và phân tích tại các luận điểm trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét việc ngày 25/12/2018, Ủy ban nhân dân thành phố H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số sêri CP366101 cho ông Huỳnh Phong V đối với thửa số 354, tờ bản đồ số 3 với diện tích 623,3m^2 đất là loại đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến ngày 01/07/2064 là không đúng quy định của Luật đất đai, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông V. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V là không đúng nên cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông V, sửa bản án sơ thẩm, hủy một phần *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số sêri CP366101 ngày 25/12/2018 về phần xác định loại đất được cấp quyền sử dụng là đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến ngày 01/07/2064; buộc UBND thành phố H cấp lại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* cho ông V đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37, khối H, phường C, thành phố H, có diện tích 623,3m^2 là loại đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài. Quyết định giải quyết khiếu nại số 232/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H (không chấp nhận khiếu nại của ông V đối với khiếu nại về *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số sêri CP366101 ngày 25/12/2018) là không có căn cứ, không đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V để hủy Quyết định này.

[6] Yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông V được chấp nhận nên ông V không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm, UBND thành phố H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Phong V, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 75/2021/HC-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

Áp dụng Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 158 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015; Điều 98, Điều 99 và Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phong V:

- Hủy Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Phong V, thường trú tại khối H, phường C, thành phố H (lần đầu);

- Hủy một phần *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số sêri CP366101 ngày 25/12/2018 của UBND thành phố H về phần xác định thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37 diện tích 623,3m^2 đất là đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến ngày 01/07/2064; buộc UBND thành phố H thực hiện nhiệm vụ, công vụ cấp lại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* cho ông Huỳnh Phong V đối với thửa đất số 354, tờ bản đồ số 37, diện tích 623,3m^2, tại khối H, phường C, thành phố H đúng loại đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân thành phố H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Huỳnh Phong V không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân